

191/2020 VIET NAM - NORTH CENTRAL COAST - THANH HOA - Coastal traffic zones.

Source: Ministry of Transport, Notice No. 2495/QĐ-BGTVT

Chart - VN30005 [*previous update 108/2020*]

Insert limit of coastal traffic zone, pecked line, joining: 19°28.00'N 105°51.41'E

19°18.94'N 105°50.11'E

18°59.94'N 105°43.11'E

18°52.00'N 105°46.05'E

limit of coastal traffic zone, pecked line, joining: 19°28.00'N 106°01.27'E

19°22.94'N 106°02.11'E

18°57.94'N 105°51.11'E

18°52.00'N 105°53.79'E

Delete former limit of coastal traffic zone, pecked line, joining: 19°28.00'N 105°51.58'E

19°18.99'N 105°50.29'E

18°59.99'N 105°43.29'E

18°52.00'N 105°46.25'E

former limit of coastal traffic zone, pecked line, joining: 19°28.00'N 106°01.45'E

19°22.99'N 106°02.29'E

18°57.99'N 105°51.29'E

18°52.00'N 105°53.99'E

Chart - VN40013 [*previous update 55/2020*]

Insert limit of coastal traffic zone, pecked line, joining: 19°30.00'N 105°51.69'E

19°18.94'N 105°50.11'E

19°12.00'N 105°47.55'E

limit of coastal traffic zone, pecked line, joining: 19°30.00'N 106°00.94'E

19°22.94'N 106°02.11'E

19°12.00'N 105°57.29'E

Delete former limit of coastal traffic zone, pecked line, joining: 19°30.00'N 105°51.86'E

19°18.99'N 105°50.29'E

19°12.00'N 105°47.71'E

former limit of coastal traffic zone, pecked line, joining:	19°30.00'N	106°01.12'E
	19°22.99'N	106°02.29'E
	19°12.00'N	105°57.45'E

Chart - VN50012 [*previous update 161/2020*]

Insert limit of coastal traffic zone, pecked line, joining:	19°24.67'N	105°50.93'E
	19°18.94'N	105°50.11'E
	19°15.33'N	105°48.78'E

Delete former limit of coastal traffic zone, pecked line, joining:	19°24.67'N	105°51.10'E
	19°18.99'N	105°50.29'E
	19°15.33'N	105°48.94'E

(All positions are referred to WGS84 Datum)

191/2020 VIỆT NAM - BỜ BIỂN BẮC TRUNG BỘ - THANH HÓA - Tuyến vận tải ven biển.

Nguồn: Bộ Giao thông vận tải, Quyết định số 2495/QĐ-BGTVT

Hải đồ - VN30005 [*cập nhật trước 108/2020*]

Chèn giới hạn tuyến vận tải ven biển, đường nét đứt, nối:	19°28.00'N	105°51.41'E
	19°18.94'N	105°50.11'E
	18°59.94'N	105°43.11'E
	18°52.00'N	105°46.05'E

giới hạn tuyến vận tải ven biển, đường nét đứt, nối:	19°28.00'N	106°01.27'E
	19°22.94'N	106°02.11'E
	18°57.94'N	105°51.11'E
	18°52.00'N	105°53.79'E

Xóa giới hạn tuyến vận tải ven biển cũ, đường nét đứt, nối:	19°28.00'N	105°51.58'E
	19°18.99'N	105°50.29'E
	18°59.99'N	105°43.29'E
	18°52.00'N	105°46.25'E

giới hạn tuyến vận tải ven biển cũ, đường nét đứt, nối:	19°28.00'N	106°01.45'E
	19°22.99'N	106°02.29'E

18°57.99'N 105°51.29'E

18°52.00'N 105°53.99'E

Hải đồ - VN40013 [*cập nhật trước 55/2020*]

Chèn giới hạn tuyến vận tải ven biển, đường nét đứt, nổi:

19°30.00'N 105°51.69'E

19°18.94'N 105°50.11'E

19°12.00'N 105°47.55'E

giới hạn tuyến vận tải ven biển, đường nét đứt, nổi:

19°30.00'N 106°00.94'E

19°22.94'N 106°02.11'E

19°12.00'N 105°57.29'E

Xóa giới hạn tuyến vận tải ven biển cũ, đường nét đứt, nổi:

19°30.00'N 105°51.86'E

19°18.99'N 105°50.29'E

19°12.00'N 105°47.71'E

giới hạn tuyến vận tải ven biển cũ, đường nét đứt, nổi:

19°30.00'N 106°01.12'E

19°22.99'N 106°02.29'E

19°12.00'N 105°57.45'E

Hải đồ - VN50012 [*cập nhật trước 161/2020*]

Chèn giới hạn tuyến vận tải ven biển, đường nét đứt, nổi:

19°24.67'N 105°50.93'E

19°18.94'N 105°50.11'E

19°15.33'N 105°48.78'E

Xóa giới hạn tuyến vận tải ven biển cũ, đường nét đứt, nổi:

19°24.67'N 105°51.10'E

19°18.99'N 105°50.29'E

19°15.33'N 105°48.94'E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84)